|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | | % Tổng điểm | |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | Số CH | | Thời gian (phút) |
| Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | TN | TL |  |
| 1 | Chủ đề E: Ứng dụng tin học | Bảng tính điện tử cơ bản | **8 TN**  **(2 đ)** | 8 | **6 TN**  **(1,5 đ)**  **1 TL**  **(1 đ)** | 6  5 |  |  | **1 TL**  **(1đ)** | 6 | **14** | **2** | 25 | 100% |
| Phần mềm trình chiếu cơ bản | **8 TN**  **(2đ)** | 8 | **2 TN**  **(0,5đ)** | 2 | **1 TL**  **(2đ)** | 10 |  |  | **10** | **1** | 20 |
| Tổng | | | 16 | 16 | 9 | 15 | 1 | 10 | 1 | 6 | 24 | 3 | 45 | 10 |
| Tỉ lệ (%) | | | 40 | | 30 | | 20 | | 10 | | 60 | 40 | 100 | 100% | |
| Tỉ lệ chung (%) | | | 70 | | | | 30 | | | |  |  | 100 | 100% | |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 7**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: TIN HỌC LỚP: 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề E:**  Ứng dụng tin học | Bảng tính điện tử cơ bản | **Nhận biết**  – Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.  Câu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 (TN)  **Thông hiểu**  – Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu.  - Diễn giải được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.  Câu 9, 10, 11, 12, 13,14 (TN); 25(TL)  **Vận dụng cao**  – Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.  Câu 27(TL) | 8 TN | 6 TN | 1 TL | 1TL |
| Phần mềm trình chiếu cơ bản | **Nhận biết**  – Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.  Câu 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 (TN)  **Thông hiểu**  - Hiểu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu  Câu 23, 24 (TN)  **Vận dụng**  – Sử dụng được các định dạng cho văn bản, ảnh minh hoạ và hiệu ứng một cách hợp lí.  – Sao chép được dữ liệu phù hợp từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.  – Tạo được một báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp, ảnh minh hoạ, hiệu ứng động.  Câu 26(TL) | 8 TN | 2 TN | 1 TL |  |
| **Tổng** | | |  | **16 TN** | **8 TN**  **1 TL** | **1 TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **40%** | |